

# Tóm Lược của Ban Quản Trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Nhà Trường, 2008-2009 Được Công Bố cho Niên Học 2009-10

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Nhà Trường (SARC) (bắt buộc phải công bố hàng năm theo qui định luật pháp), bao gồm các thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về các qui định SARC trên Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

## I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

### DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, DataQuest là một hệ thống năng động lập các bản báo cáo về trách nhiệm giải trình (thí dụ, Chỉ Số Kết Quả Học Tập [API]), Sự Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu [AYP], dữ liệu về kỳ thi, ghi danh, tốt nghiệp, bỏ học, ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về những người học tiếng Anh.

### Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các giới hạn khác về sử dụng bao gồm giờ giấc hoạt động, khoảng thời gian có thể sử dụng máy điện toán (tùy theo sự sẵn có), các loại chương trình nhu liệu hiện có tại máy điện toán, và khả năng in ấn các tài liệu.

## II. Về Trường Đây

### Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp địa chỉ liên lạc của trường.

Trường		Khu Học Chánh	
Tên Trường	Evergreen Valley High	Tên Khu Học Chánh	East Side Union High
Đường Phố	3300 Quimby Rd.	Số Điện Thoại	408-347-5000
Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip Code	San Jose , CA 95148-3122	Trang Web	<a href="http://www.esuhd.org">www.esuhd.org</a>
Số Điện Thoại	408-347-7000	Giám Đốc Học Khu	Dan Moser
Hiệu Trưởng	Ana Lomas	Địa Chỉ Thư Điện Tử	<a href="mailto:moserd@esuhd.org">moserd@esuhd.org</a>
Địa Chỉ Thư Điện Tử	<a href="mailto:lomasa@esuhd.org">lomasa@esuhd.org</a>	CDS Code	43- 69427- 4330692

### Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2008-09)

Chào mừng quý vị đến với Trường Trung Học Evergreen Valley, Nhà Beo Gấm (Home of the Cougars) của con em chúng ta! Phụ huynh và học sinh rất hãnh diện về danh tiếng trường mình là nơi có thành tích cam go học tập và giảng dạy tài giỏi. Kể từ năm khai trương đến nay, chỉ số học tập API của trường Evergreen năm nào cũng gia tăng. Xin hân hạnh báo cáo với quý vị rằng chỉ số API hiện nay của trường là 838. Học sinh rất sẵn sàng vào đại học bốn năm ở bất cứ đâu trên toàn quốc. Giáo trình cam go và đầy thách đố đậm đà thêm với những đội thể thao, câu lạc bộ học sinh và những tổ chức dịch vụ cộng đồng của nhà trường. Đội ngũ giáo sư thượng thặng sát cánh bên nhau với quyết tâm thúc đẩy mọi học sinh học hành hết mức. Trường mở những lớp cao cấp dạy tiếng Tây Ban Nha, Lịch Sử Mỹ, Chính Phủ Hoa Kỳ, Lịch Sử Thế Giới, Anh văn, Văn Chương Anh, Hóa Học, Sinh Học, Vật Lý, và Toán Cao Cấp AB và BC. Giáo trình nghệ thuật trình diễn gồm kịch nghệ, ca đoàn, tiến vào âm nhạc, ban nhạc giao hưởng, ban nhạc cao cấp và ban nhạc diễn hành. Các môn ngoại ngữ giảng dạy tại trường Evergreen là tiếng Việt, tiếng Pháp, và tiếng Tây Ban Nha. Kinh nghiệm trung học sâu sắc, đầy đủ và toàn diện đáng chờ đón mỗi học sinh của trường Evergreen.

### Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Được phụ huynh và cộng đồng tham dự việc trường là điều thiết yếu cho học sinh thành đạt, cho nên trường Evergreen dành nhiều dịp cho phụ huynh gánh vác việc trường. Trường có một Hội Đồng Nhà Trường rất năng động, hội họp mỗi thứ tư đầu tháng. Các tổ chức phụ huynh khác gồm có Hội Yểm Trợ Thể Dục Thể Thao Evergreen Valley, Hội Giáo Dục Evergreen Valley, Hội Yểm Trợ Ban Nhạc, Hội Phụ Huynh người Mỹ gốc Phi châu, Hội Phụ Huynh người Mỹ gốc Ấn, và Hội Phụ Huynh nói tiếng Tây Ban Nha. Để giúp đỡ phụ huynh, trường Evergreen tổ chức nhiều đêm phổ biến thông tin cho phụ huynh về nhiều mục như xin trợ giúp tài chánh hay những thông tin khác mà phụ huynh học sinh các lớp khác nhau cần biết. Ngoài ra, các giáo sư cố vấn hằng năm vẫn có những buổi viếng thăm phụ huynh và hội thảo để phổ biến những thông tin về đại học, trợ cấp tài chánh, và tình trạng tốt nghiệp.

Chương trình mạng School Loop là nơi phụ huynh có thể xem điểm, điểm thi, các chương trình giảng dạy và email nói chuyện trực tiếp với giáo sư. Giáo sư có thể gửi lời nhắn phụ huynh bằng thứ tiếng mà phụ huynh nói, qua phương tiện Teleparent của nhà trường. Giáo sư cũng có thể dùng cách nhắn tin bằng điện thoại gọi là “Auto dialer” để gửi cho phụ huynh các trường hay cá biệt trường nào đó để chuyển tự động về điện thoại nhà phụ huynh hằng tuần.

Nếu quý vị muốn tham dự bất cứ chương trình nào kể trên hoặc có điều gì thắc mắc, xin vui lòng gọi số chính của trường Evergreen Valley là (408) 347-7000.

### Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh
---------	-------------

Mẫu Giáo	0
Lớp 1	0
Lớp 2	0
Lớp 3	0
Lớp 4	0
Lớp 5	0
Lớp 6	0
Lớp 7	0
Lớp 8	0
Tiểu Học Không Phân Lớp	0
Lớp 9	648
Lớp 10	692
Lớp 11	667
Lớp 12	594
Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	0
<b>Tổng Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia</b>	<b>2601</b>

### Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Mỹ gốc Phi Châu	4.00 %
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	0.27 %
Người Á châu	49.17 %
Người Phi luật tân	10.96 %
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	23.95 %
Người đảo Thái bình dương	1.00 %
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	10.19 %
Nhiều Câu Trả Lời hoặc Không Trả Lời	0.46 %
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	13.00 %
Những Người Học Tiếng Anh	6.00 %
Học Sinh Khuyết Tật	5.00 %

### Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bỏ Sĩ Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2006-07				2007-08				2008-09			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	26.8	28	64	3	28.6	10	78		28.2	11	86	
Toán	28.1	20	37	25	28.5	18	55	15	28.6	19	51	20
Khoa Học	31.2	1	47	24	30.9	4	44	27	31.8	2	50	21
Khoa Học Xã Hội	32.3	2	45	14	32.1	3	27	35	30.5	2	59	6

### III. Môi Trường Nhà Trường

#### Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Kế Hoạch An Toàn của trường Evergreen được duyệt xét lần mới nhất vào ngày 4 tháng 2, 2009.

Trường Evergreen có kế hoạch an toàn rất chi tiết và cẩn kẽ, mô tả lẽ lối, hệ thống, và thủ tục phải theo khi gặp bất cứ/tất cả các tình trạng khẩn trương. Kế hoạch này cũng bao gồm những chỉ tiêu an toàn hằng năm mà học sinh, nhân viên nhà trường, và phụ huynh đề ra. Kế hoạch an toàn được Ban An Toàn trường Evergreen soạn thảo và Ban An Toàn Học Khu duyệt xét trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị Học Khu East Side Union High School District để được chấp thuận. Kế hoạch an toàn và thủ tục tập dợt được toàn thể nhân viên nhà trường duyệt xét hằng năm. Mỗi năm học, những điều cảnh giác về tình trạng an toàn trong trường được toàn thể nhân viên nhà trường phổ biến cho nhau để đề phòng. Ngoài ra, tất cả những lần tập dợt theo quy định đều được ghi vào lịch công tác để thi hành và kết quả ra sao đều được thông báo cho nhân viên toàn trường biết.

Kế hoạch an toàn Trường Trung Học Evergreen Valley có ghi chi tiết để liên tục thực thi những điều sau đây:

Nội quy về hạnh kiểm

Nội quy và quy định dành cho học sinh

Nội quy về y phục

Thủ tục tập dợt an toàn/khẩn cấp

Quy định về việc đi học trễ

Quy định về việc có mặt ở trường và lớp

Thủ tục chuyển giao học sinh

Hợp tác với các cơ quan trong cộng đồng, thành phố San Jose, sở Cảnh sát San Jose, và những cơ quan và tổ chức cung ứng các dịch vụ trợ giúp khác

Tổ an toàn

Nhóm đa dịch vụ

#### Đình Chỉ Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường hợp chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường	Khu Học Chánh
-------	--------	---------------

	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Đình Chỉ Học Tập	7.5	12.0	12.0	21.7	30.0	16.9
Đuổi Học	0.3	0.0	0.1	0.4	0.1	0.1

## IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

### Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

#### Khái quát

Học khu nỗ lực bảo đảm là các trường đều sạch sẽ, an toàn, và làm việc đúng mức. Để thực hiện những điều này, học khu áp dụng chính sách thăm dò các cơ sở vật chất mà Phòng Xây Dựng Các Trường Công Lập Tiểu Bang California đề ra. Văn phòng nhà trường và văn phòng học khu luôn có sẵn những kết quả thăm dò này.

#### Trường, Lớp Cũ Kỹ

Mặc dù khu trường chính được xây năm 2002, trường cũng lắp thêm một số nhà gỗ làm lớp học cho số học sinh gia tăng trong cộng đồng Evergreen Valley. Tòa nhà mới xây đã khai trương và có thêm 15 phòng học và 3 phòng thí nghiệm khoa học.

#### Tiến trình và lịch trình dọn dẹp sạch sẽ

Hội Đồng Quản Trị Học Khu chấp chiếu sử dụng những tiêu chuẩn lau chùi dọn dẹp mọi trường trong học khu. Ban lãnh đạo ngày ngày làm việc với nhân viên tạp dịch để trường học lúc nào cũng sạch sẽ và an toàn.

#### Ngân sách bảo trì trả chậm

Học khu tham gia Chương Trình Bảo Trì mà Tiểu Bang Trả Chậm cho Nhà Trường. Chương trình này cung cấp kinh phí thích đáng trên cơ sở trả từng đồng một, để giúp các học khu chi trả khi phải sửa chữa lớn hoặc thay thế cục bộ những nơi phải xây dựng trong trường. Điển hình là sửa mái nhà, ống nước, hệ thống sưởi, điều hòa không khí, điện, sơn bên trong và ngoài nhà, và tu sửa sàn nhà.

### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Những mục đã thanh tra	Tình trạng Sửa Chữa			Cần sửa, đã sửa, hoặc dự tính sửa chữa
	Tốt	Tạm được	Xấu	
Xi ga	x			
Các hệ thống cơ khí	x			
Cửa sổ/cửa ra vào/cổng (bên trong và bên ngoài)	x			
Bề mặt bên trong phòng (tường, nền nhà, và trần nhà)	x			
Vật liệu dễ gây hiểm họa (bên trong và bên ngoài)	x			
Hư hại về cấu trúc	x			
An toàn phòng hỏa	x			
Điện (bên trong và bên ngoài)	x			
Chuột bọ	x			
Máy nước uống (bên trong và bên ngoài)	x			
Phòng vệ sinh	x			
Cống rãnh	x			
Sân chơi/Sân trường	x			
Các sân thể dục, thể thao		x		Nhà trường đã trồng cỏ mới cho sân bóng bầu dục vào mùa hè năm 2009. Sẽ trồng tiếp khi có thêm ngân quỹ.
<b>Đánh giá chung</b>	x			

## V. Giáo Viên

### Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bằng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2006-07	2007-08	2008-09	2008-09
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	95	88	93	1089
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	12	18	13	149
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	0	0	0	không áp dụng

### Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép.

Yếu Tố Chi Báo	2007-08	2008-09	2009-10
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	0	6	0
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	0	6	0
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	2	0

## Các Lớp Học Chính Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind) Giảng Dạy (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về số phần trăm lớp học về các môn học chính do các giáo viên tuân theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) và không tuân theo đạo luật NCLB ở trường, tại tất cả các trường trong khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao trong khu học chánh, và tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp trong khu học chánh giảng dạy. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được xác định là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 75 phần trăm trở lên trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 25 phần trăm trở xuống trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Quý vị có thể tìm hiểu về năng lực trình độ của các giáo viên theo yêu cầu của đạo luật NCLB trên Trang Mạng Điện Toán về việc Cải Tiến Chất Lượng Giáo Viên và Hiệu Trưởng của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy	Do Các Giáo Viên Không Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy
Trường Đây	94.8	5.2
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	95.2	4.8
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	94.4	5.6
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh		

## VI. Nhân Viên Trợ Giúp

### Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	3.4	765
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện)	0.2	không áp dụng
Tâm Lý Gia	1.0	không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá		không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác		không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)	0.2	không áp dụng
Nhân Viên Khác	3.0	

## VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

### Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phẩm chất, tình trạng lưu hành, và tình trạng có sẵn các loại sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường, và thông tin về việc trường sử dụng bất kỳ chương trình học thêm nào hoặc sách giáo khoa hoặc các tài liệu giảng dạy chưa được áp dụng.

TÊN BỘ MÔN VÀ SÁCH SỬ DỤNG	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIẾU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG
<b>ANH VĂN</b>			
Anh ngữ 1 – “The Language of Literature Ninth Grade”	McDougal Littell	2002	0
Anh ngữ 2 – “The Language of Literature” Grade 10	McDougal Littell	2002	0
Anh ngữ 3 – “Timeless Voices Timeless Themes Am. Experience”	Prentice Hall	2000	0
Anh ngữ 4 – “The Language of Literature World Literature”	McDougal Littell	2002	0
<b>TOÁN</b>			
Đại số I – “Algebra 1”	McDougal Littell	2007	0
Hình học – “Geometry”	McDougal Littell	2007	0
Đại số II – “Algebra 2”	McDougal Littell	2007	0
Toán tích phân – “Precalculus With Limits”	Houghton Mifflin	2001	0
<b>KHOA HỌC</b>			
Khoa học kết hợp 1 – “Conceptual Khoa Học Thực Thể / Explorations”	Addison-Wesley	1999, 2003	0
Sinh học – “Biology: Exploring Life”	Prentice-Hall	2004	0
Hóa học – “Chemistry: Connections to our Changing World”	Prentice-Hall	2000, 2002	0



Vật lý – “Conceptual Physics”	Addison-Wesley	1992, 99, 02, 06	0
<b>KHOA HỌC XÃ HỘI</b>			
Sử thế giới – “Modern World History”	McDougal-Littell	2003	0
Sử Hoa Kỳ – “The American Vision”	Glencoe/McGraw Hill	2006	0
Chính phủ Mỹ – “Magruder’s American Government”	Prentice Hall	2007	0
Chính phủ Mỹ – “We the People”	Center for Civic Education	2002	0
<b>TÊN BỘ MÔN</b>	<b>PHẨM CHẤT, MỨC ĐỘ THỊNH HÀNH, VÀ TÌNH TRẠNG SẴN CÓ CỦA CÁC SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY</b>		<b>SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIẾU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG</b>
<b>NGOẠI NGỮ</b>	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận		0
<b>KHOA HỌC Y TẾ</b>	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận		0
<b>NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN &amp; TẠO HÌNH</b>	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận		0
<b>THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA HỌC</b>	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đúng mức		0

## VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

### Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2007-08)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trợ)/Giới Hạn	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	\$5,886	\$1,035	\$4,851	\$71,399

Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	\$6,106	\$76,369
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	-26%	-7%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	\$5,512	\$68,332
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	-14%	4%

## Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về các chương trình và dịch vụ phụ trợ được cung cấp tại trường qua các ngân quỹ trong hạng mục hoặc các nguồn trợ giúp khác.

Trường Evergreen Valley mở những lớp luyện thi cho những học sinh cần thi đầu kỳ Thi Ra Trường Trung Học theo Quy Định của Tiểu Bang California (CAHSEE). Ngoài ra, các em lớp 9 điểm kém về đọc hiểu cũng ghi danh vào lớp tập đọc, sử dụng chương trình “Read 180”. Các em lớp 9 điểm kém về toán thì ghi danh vào lớp luyện thi CAHSEE Toán và cũng học lớp Đại số 1. Một giáo sư đặc trách giúp đỡ các giáo sư dạy Đại số 1 lớp 9 để đảm bảo các vị này dạy đúng học trình và gia tăng thành quả học sinh. Tất cả mọi nhân viên nhà trường đều tiếp tục được tu nghiệp bằng các chương trình TESA [Teacher Expectations and Student Achievement (Giáo Sư Phần Đầu và Học Sinh Thành Đạt)], , [Differentiated Instruction (Giảng Dạy Theo Trình Độ Cá Nhân Mỗi Học Sinh)] và những chương trình Kỹ Thuật.

## Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về lương bổng của khu học chánh dành cho các giáo viên, hiệu trưởng, và giám đốc học khu, và so sánh với mức trung bình của tiểu bang dành cho các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Bảng này cũng trình bày về mức lương của giáo viên và nhân viên hành chánh dưới hình thức phần trăm ngân sách của khu học chánh và so sánh các con số này với mức trung bình trên toàn tiểu bang đối với các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về mức lương trên Trang Mạng Điện Toán của Lương Bổng và Quyền Lợi thuộc CDE Được Xác Nhận tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$48,434	\$42,810
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$79,527	\$69,375
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$98,141	\$89,104
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$120,314
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$122,625	\$126,901
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$238,000	\$198,563
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	37.90 %	37.30 %
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh	4.30 %	5.20 %

## IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

## Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) gồm có nhiều thành phần then chốt, bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của California (CST); Đánh Giá có Bổ Sung California (CMA), và Đánh Giá Thành Tích Thay Thế (CAPA). CST cho biết học sinh thực hiện khá đến mức nào có liên quan tới nội dung của tiểu bang. CST bao gồm văn khoa Anh Ngữ (ELA) và toán lớp hai đến lớp mười một; khoa học thuộc các lớp năm, tám, và chín cho tới mười một; và khoa học lịch sử-xã hội thuộc các lớp tám, và mười tới mười một. CAPA bao gồm ELA, toán, và khoa học thuộc các lớp hai tới mười một, và khoa học thuộc các lớp năm, tám, và mười. CAPA được áp dụng cho các học sinh bị khuyết tật đáng kể về nhận thức, các khuyết tật này khiến cho các em không lấy được CST có thích nghi hoặc bổ sung hay CMA có thích nghi. CMA bao gồm ELA và toán cho các lớp từ lớp ba tới lớp tám và khoa học cho lớp năm và là một sự lượng định thay thế dựa trên các tiêu chuẩn thành đạt có bổ sung. CMA được thiết kế để đánh giá các học sinh bị khuyết tật khiến cho các em không đạt được sự thành thạo thuộc cấp độ lớp trong cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn nội dung California có hoặc không có thích nghi. Điểm số của học sinh được báo cáo như các mức thành tích. Thông tin chi tiết về các kết quả Chương Trình STAR cho mỗi lớp và cấp độ thành tích, bao gồm số phần trăm các học sinh không thi, có thể tìm thấy trên trang mạng về Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>. Thông tin về Chương Trình STAR có thể tìm thấy trong phần hướng dẫn giải thích về Kết Quả Tóm Lược về Chương Trình STAR năm 2008 cho công chúng tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/starpkt5intrpts.pdf>. Ghi chú: Điểm số không được cho thấy khi số học sinh thi từ mười người trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ nên không chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo vì sẽ vô tình hay cố ý công bố điểm số hoặc thành tích của bất kỳ cá nhân học sinh nào.

## Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Văn Khoa Anh Ngữ	67	65	70	43	44	47	43	46	50
Toán	46	43	47	23	23	26	40	43	46
Khoa Học	62	70	68	37	44	45	38	46	50
Lịch Sử Xã Hội Học	57	60	63	30	34	39	33	36	41

## Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Người Mỹ gốc Phi Châu	41	21	30	35
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*
Người Á châu	82	65	77	74
Người Phi luật tân	70	42	74	60
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	47	20	52	40
Người đảo Thái bình dương	52	23	*	53
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	76	41	70	68
Nam	67	46	70	66
Nữ	73	49	65	60
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Khó Khăn	49	34	43	44

Những Người Học Tiếng Anh	17	25	18	12
Học Sinh Khuyết Tật	19	23	27	25
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	*	*	*	*

## Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (California High Trường Exit Examination - CAHSEE) chủ yếu được dùng làm yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, nhưng kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được dùng để thiết lập số phần trăm học sinh ở ba mức độ thành thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc xuất sắc) về ELA và toán để tính toán xác định chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) quy định cho các trường trung học, theo yêu cầu của Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù có tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

## Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California cho Tất Cả Các Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Anh Ngữ - Văn Khoa	71.5	75.7	74.9	51.9	55.1	55.1	48.6	52.9	52.0
Toán	75.1	83.0	79.1	55.1	59.6	59.6	49.9	51.3	53.3

## Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California của các Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Học Sinh	24.3	48.7	27.0	17.0	35.7	47.3
Nam	30.3	50.8	19.0	17.4	32.7	49.8
Nữ	18.2	46.6	35.2	16.6	38.7	44.8
Người Mỹ gốc Phi Châu	31.2	56.2	12.5	37.5	50.0	12.5
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*	*	*
Người Á châu	15.2	49.1	35.7	6.2	31.6	62.2
Người Phi luật tân	25.0	48.5	26.5	7.5	43.3	49.3
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	46.5	46.5	7.1	41.7	40.4	17.9
Người đảo Thái bình dương	*	*	*	*	*	*
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	17.1	48.7	34.2	16.9	32.5	50.6
Hoàn cảnh tài chánh khó khăn	55.6	40.6	3.8	28.0	47.7	24.2
Những Người Học Tiếng Anh	47.5	40.6	11.9	29.4	36.3	34.3
Học Sinh Khuyết Tật	*	*	*	*	*	*
Các Học Sinh Đang Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục cho Di Dân*	84.4	15.6	0.0	77.4	19.4	3.2

## Kết Quả Kỳ Thi Thử Dục California (Niên Khóa 2008-09)

Kỳ Thi Thử Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thử Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
5	0.0	0.0	0.0
7	0.0	0.0	0.0
9	10.0	30.2	49.2

## X. Trách Nhiệm

### Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

### Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 "trường tương tự" giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2006	2007	2008
Trên Toàn Tiểu Bang	9	10	9
Các Trường Tương Tự	7	9	8

### Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, và điểm API mới đây nhất. Lưu ý: "N/A" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đồng.

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế			Điểm API Tăng Trưởng
	2006-07	2007-08	2008-09	2009
Tất Cả Học Sinh trong Trường	24	1	10	838
Người Mỹ gốc Phi Châu				
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska				

Người Á châu	20	0	7	893
Người Phi luật tân	11	-11	32	836
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	52	-4	14	740
Người đảo Thái bình dương				
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	10	6	2	849
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	50	-15	-16	743
Những Người Học Tiếng Anh	-35	-20	-9	718
Học Sinh Khuyết Tật	31	35		

## Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật NCLB của liên bang qui định rằng tất cả các trường và khu học chánh đều phải đạt các chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán  
 Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán  
 API là công cụ chỉ báo bổ sung  
 Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

## Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2008-09)

Bảng này trình bày chỉ số cho biết trường và khu học chánh đó có đạt AYP tổng quát và trường và khu học chánh đạt được từng chỉ tiêu AYP hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	No	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	Yes	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	Yes	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	No	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	Yes	No
API	Yes	Yes
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	Yes	Yes

## Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2009-10)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
----------------	--------	---------------

Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình		In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình		2004-2005
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình		Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	7
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	31.8

## XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

### Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

#### University of California

Các yêu cầu để được nhận vào học tại University of California (UC) tuân theo các hướng dẫn đã được đặt ra trong Kế Hoạch Chủ Yếu, theo đó đòi hỏi học sinh tốt nghiệp trung học của tiểu bang phải ở mức hàng đầu một phần tám số học sinh cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công các bài vở qui định cho đại học, hội đủ điều kiện để được thu nhận vào UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài vở trình độ Đại Học. Để biết các yêu cầu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>.

#### California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đương đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>.

### Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	1.6	1.9	2.0	7.0	5.1	5.2	3.5	4.4	3.9
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	90.5	88.2	91.0	77.0	76.1	77.6	83.4	80.6	80.2

### Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Học sinh tại các trường công lập California phải đạt cả hai phần ELA và toán của CAHSEE để nhận bằng trung học. Đối với các học sinh bắt đầu niên học 2008-09 ở lớp mười hai trong bảng này được trình bày theo nhóm học sinh số phần trăm những em đáp ứng mọi yêu cầu về tốt nghiệp của tiểu bang và địa phương về việc hoàn tất lớp mười hai.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2009		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Các Học Sinh	90	82	N/A



Người Mỹ gốc Phi Châu	84	80	N/A
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	75	71	N/A
Người Á châu	93	92	N/A
Người Phi luật tân	95	89	N/A
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	82	71	N/A
Người đảo Thái bình dương	100	89	N/A
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	93	89	N/A
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	86	77	N/A
Những Người Học Tiếng Anh	71	48	N/A
Học Sinh Khuyết Tật	67	45	N/A

## Chương Trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về các chương trình giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp (CTE) và liệt kê các chương trình được trường cung cấp.

Trường Evergreen Valley giảng dạy những bộ môn giúp tất cả mọi học sinh sẵn sàng làm việc ngoài đời. Đó là những môn học kỹ thuật mà tiếng Anh gọi là Career Technical Education, gọi tắt là CTE, mà trước kia gọi là giáo dục hướng nghiệp, lược kể như sau.

Kế toán  
Vi tính thực hành  
Điện toán nhập môn

## Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	325
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	0
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	33%

## Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán DataQuest của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	81.2
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	60.3

## Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.



Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán Computer	1	không áp dụng
Tiếng Anh	1	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn		không áp dụng
Ngoại Ngữ	2	không áp dụng
Toán	3	không áp dụng
Khoa Học	3	không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	3	không áp dụng
Tất cả các khóa học	13	9.1

## XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

### Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Tu nghiệp là dịp cho nhân viên nhà trường phát triển đa dạng, rõ ràng và bám sát các tiêu chuẩn giáo dục mà tiểu bang đề ra cũng như duy trì được những giá trị nòng cốt của nhà trường. Mặc dù hằng năm giáo sư chỉ được 2 ngày tu nghiệp, nhà trường vẫn dành nhiều cơ hội khác để giáo sư phát triển nghề nghiệp trong suốt năm học và vào dịp hè. Trường chúng tôi có kế hoạch tu nghiệp rất chặt chẽ và chi tiết bám sát từng số liệu liên quan mật thiết với các phương pháp dạy giỏi học chăm. Không những giáo sư và nhân viên nhà trường có nhiều dịp tu nghiệp tại trường mà còn có nhiều cơ hội tu nghiệp tại học khu. Ngoài ra, nhiều giáo sư còn được tham dự các lớp tu nghiệp ở những trường đại học và đại học cộng đồng ở địa phương và dự các buổi hội thảo do Sở Giáo Dục Hạt Santa Clara tổ chức. Các buổi hướng dẫn của Chương Trình Giúp Đỡ và Lượng Giá Giáo Sư Mới rất hữu ích cho các nhà giáo dục mới vào nghề. Nhà trường đã thiết lập và áp dụng thành công khuôn mẫu tu nghiệp cho toàn thể nhân viên. Tu nghiệp toàn trường và theo từng khoa thường xuyên được tổ chức để giáo sư có dịp tiếp tục phát triển nghề nghiệp hầu đầy mạnh mọi nỗ lực toàn trường sao cho theo đúng những tiêu chuẩn giáo trình từng môn học cam go mà tiểu bang đề ra, đồng thời cũng giúp mọi học sinh đọc thông viết thạo và học hỏi tinh tường để thành đạt.

Để bảo đảm chu kỳ liên tục cải tiến, việc tu nghiệp bám sát từng người để đáp ứng nhu cầu của tất cả giáo sư các bộ môn cũng như của các nhân viên và quản trị viên nhà trường. Sinh hoạt tu nghiệp giáo sư không chỉ phản ánh quan niệm dạy giỏi mà còn chấp chỉ nghiêm minh những tiêu chuẩn Nghề Giáo mà tiểu bang California đề ra. Giáo sư và nhân viên cùng nhau tu nghiệp đúng lãnh vực công việc của mình mà cũng theo đúng mọi cấp độ mà học khu hoạch định. Trong phạm vi nhà trường, việc tu nghiệp được sắp đặt theo mục tiêu tổng quát (ví dụ giảng dạy theo đúng các tiêu chuẩn), và theo các khía cạnh chuyên biệt của chương trình tu nghiệp (ví dụ các phương pháp giảng dạy cá biệt), mỗi mỗi đều được cá nhân hóa cho từng người để đáp ứng được mọi động cơ và nhu cầu bộ môn chuyên biệt. Thí dụ như về tiếng Anh, giáo sư phải xem xét bài vở học sinh để bảo đảm học sinh ấy học và làm bài đúng phương pháp và hữu hiệu theo các tiêu chuẩn bộ môn mà tiểu bang đề ra, trong khi về giáo dục thể chất thì giáo sư lại duyệt xét các số liệu *FitnessGram (Biểu Đồ Thể Lực)* để theo đó mà tập luyện học sinh với kết quả đúng mức. Học khu cũng dành nhiều cơ hội tu nghiệp khác nhau để mở rộng kiến thức giáo sư, trau dồi kỹ năng điều khiển lớp học, và nâng cao tay nghề giảng dạy bằng những phương pháp tối hảo.

## XIII. Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

### Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (National Assessment of Educational Progress - NAEP) là một cuộc đánh giá tiêu biểu trên toàn quốc về những điều mà các học sinh tại Hoa Kỳ biết và có thể làm được trong các

lĩnh vực khác nhau. Các đánh giá được tiến hành định kỳ về toán, đọc, khoa học, viết, nghệ thuật, công dân, kinh tế, địa lý, và lịch sử Hoa Kỳ. Điểm số của học sinh về đọc và toán được báo cáo theo các cấp độ về thành tích (thí dụ, cơ bản, thành thạo, và cấp cao) và sự tham gia của các học sinh bị khuyết tật (SD) và những người học Tiếng Anh (ELL) được báo cáo dựa trên ba cấp độ (được nhận ra, loại trừ, và đánh giá). Thông tin chi tiết về các kết quả NAEP cho mỗi lớp, cấp độ thành tích, và mức tham gia có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia tại <http://nces.ed.gov/nationsreportcard/>.

Ghi chú: Chỉ có một nhóm làm mẫu các trường và khu học chánh của California tham gia trong chu kỳ thi NAEP. Do đó, học sinh tại bất cứ trường học hoặc khu học chánh cụ thể nào có thể không được kể vào trong các kết quả này. NAEP phản ánh kết quả kỳ thi của tiểu bang và không phản ánh hoặc LEA hoặc trường sở riêng lẻ nào. Sự so sánh thành tích của học sinh trên NAEP và thành tích của học sinh trong các đánh giá của Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) không thể thực hiện nếu không hiểu rõ sự khác biệt chính yếu giữa hai chương trình đánh giá. Thí dụ, NAEP chỉ đánh giá các lớp bốn, tám và mười hai và cho các xu hướng lâu dài đánh giá các lớp chín, mười ba, và mười bảy. Ngoài ra, NAEP chỉ có cung cấp kết quả thi của tiểu bang cho các lớp bốn và tám. Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Tests - CSTs) được dựa trên bộ tiêu chuẩn khác không phải các đánh giá của NAEP. Thí dụ, NAEP không song song với các tiêu chuẩn về nội dung và thành đạt học vấn California và, do đó, không nhất thiết phản ánh học trình và sự giảng dạy mà học sinh phải theo trong lớp học. NAEP đánh giá tập đọc và viết riêng biệt, trong khi CST đánh giá văn khoa Anh Ngữ (ELA), bao gồm tập đọc cũng như các quy ước về viết, chính tả, và văn phạm. Điểm số trên CST, và các đánh giá khác không thể so sánh trực tiếp với các điểm số trên NAEP. Số trung bình và số phần trăm được trình bày là các ước lượng dựa trên các mẫu học sinh hơn là toàn bộ những người khác. Sau cùng, các câu hỏi mà học sinh trả lời chỉ là một mẫu kiến thức và kỹ năng được nêu trong khuôn khổ của NAEP. Thông tin về các khác biệt giữa NAEP và CST có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (NAEP) của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/nr/>.

## Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày các điểm theo thang đo và các mức thành tích trong Các Kết Quả Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Điểm Trung Bình Theo Thang Đo		Số Phần Trăm về Mức Thành Đạt		
	Tiểu Bang	Quốc Gia	Cơ Bản	Thành Thạo	Cấp Cao
Tập Đọc 2007, Lớp 4	209	220	30	18	5
Tập Đọc 2007, Lớp 8	251	261	41	20	2
Toán 2009, Lớp 4	232	239	41	25	5
Toán 2009, Lớp 8	270	282	36	18	5

## Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia cho Các Học Sinh Bị Khuyết Tật và/hoặc Những Người Học Tiếng Anh theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày mức tham gia của tiểu bang và quốc gia qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các học sinh bị khuyết tật và/hoặc những người học Tiếng Anh lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Mức Tham Gia của Tiểu Bang		Mức Tham Gia của Quốc Gia	
	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh
Tập Đọc 2007, Lớp 4	74	93	65	80
Tập Đọc 2007, Lớp 8	78	92	66	77
Toán 2009, Lớp 4	79	96	84	94
Toán 2009, Lớp 8	85	96	78	92